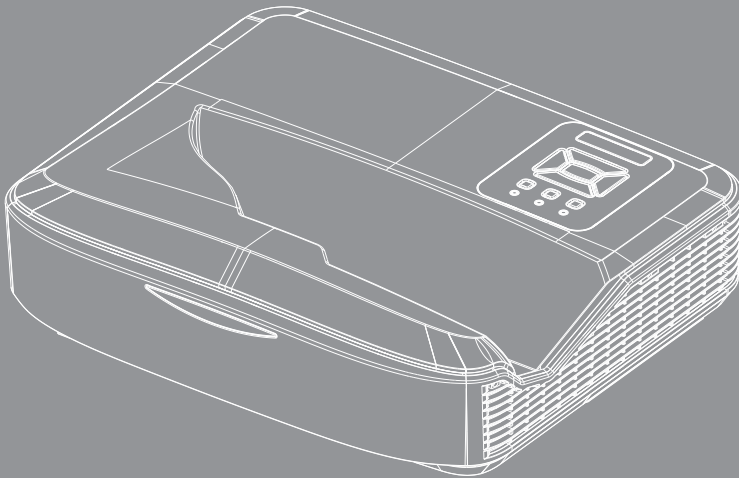


# Công nghệ xử lý ánh sáng kỹ thuật số® Dây nguồn





# Mục lục

Mục lục .....	2	3D .....	43
Lưu ý về cách sử dụng .....	3	LAN .....	44
Thông tin về an toàn .....	3	<b>Phụ lục .....</b>	<b>50</b>
Thận trọng .....	5	Lắp và làm sạch bộ lọc bụi .....	50
<b>Giới thiệu .....</b>	<b>7</b>	Các chế độ tương thích .....	51
Tổng quan về gói sản phẩm .....	7	VGA tương tự .....	51
Tổng quan về sản phẩm .....	8	HDMI Kỹ thuật số .....	53
Thiết bị chính .....	8	Quy định và Thông báo về an toàn .....	55
Bảng điều khiển .....	9	Lắp đặt vào giá treo trần nhà .....	57
Kết nối vào/ra .....	10		
Bộ điều khiển từ xa .....	11		
<b>Lắp đặt .....</b>	<b>12</b>		
Kết nối máy chiếu .....	12		
Kết nối với máy tính/máy tính xách tay .....	12		
Kết nối với các nguồn video .....	13		
Bật/tắt máy chiếu .....	14		
Bật máy chiếu .....	14		
Tắt máy chiếu .....	15		
Chí báo cảnh báo .....	15		
Điều chỉnh hình ảnh chiếu .....	16		
Điều chỉnh độ cao của máy chiếu .....	16		
Điều chỉnh tiêu điểm của máy chiếu .....	17		
Điều chỉnh kích thước hình ảnh chiếu (Đường chéo) .....	18		
<b>Lưu ý về cách sử dụng .....</b>	<b>24</b>		
Bảng điều khiển và Bộ điều khiển từ xa .....	24		
Bảng điều khiển .....	24		
Bộ điều khiển từ xa .....	25		
Mã hồng ngoại từ xa .....	27		
Cấu trúc .....	28		
Trình đơn Hiển thị trên màn hình (OSD) .....	28		
Cách sử dụng .....	31		
Hình .....	32		
Màn hình .....	34		
Thiết lập .....	37		
Âm lượng .....	39		
Tùy chọn .....	40		

# Lưu ý về cách sử dụng

## Thông tin về an toàn

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về “điện thế nguy hiểm” không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Đầu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

**CẢNH BÁO:** ĐỂ GIẢM NGUY CƠ CHÁY HOẶC ĐIỆN GIẬT, KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU DÍNH NƯỚC HOẶC HƠI ẨM. TRONG VỎ NGOÀI CỦA THIẾT BỊ CÓ ĐIỆN THẾ CAO. KHÔNG MỞ VỎ THIẾT BỊ. VIỆC BẢO DƯỠNG CHỈ ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI NHÂN VIÊN CÓ CHUYÊN MÔN.

### Giới hạn phát thải loại B

Thiết bị kỹ thuật số loại B này đáp ứng mọi yêu cầu của Quy định về thiết bị gây nhiễu sóng của Canada.

### Hướng dẫn về an toàn quan trọng

1. Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
2. Không sử dụng máy chiếu gần nước hoặc hơi ẩm. Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm.
3. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, | sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
4. Chỉ lau bằng khăn sạch.
5. Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
6. Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
  - Thiết bị bị rơi.
  - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
  - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
  - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
  - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.

Không thử tự sửa thiết bị. Việc mở hoặc tháo nắp có thể làm cho bạn tiếp xúc với điện áp nguy hiểm hoặc các rủi ro khác.

7. Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
8. Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
9. Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.

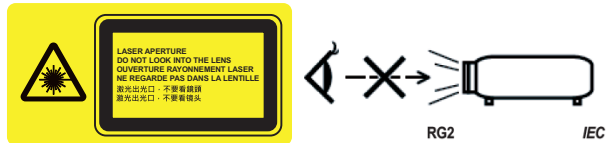
# Lưu ý về cách sử dụng

## Thông tin an toàn về bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER LỚP 1 - NHÓM RỦI RO 2 theo IEC 60825-1: 2014
- Sản phẩm này được phân loại là Class 3R theo IEC 60825-1: 2007 và cũng tuân theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11 trừ độ lệch theo Thông báo Laser số 50, ngày 24 tháng 6 năm 2007.



- Với bất kỳ nguồn sáng nào, không nhìn trực tiếp vào chùm tia, RG2 IEC 62471-5:2015



- Để mô tả vị trí của nhãn cảnh báo cố định
- SẢN PHẨM LASER LỚP 3R-TRÁNH TIẾP XÚC MẮT TRỰC TIẾP
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Giữ bất kỳ vật dụng nào (kính lúp, v.v.) ra khỏi đường đi của đèn chiếu. Đường đi của ánh sáng được chiếu từ ống kính rất rộng, do đó, bất kỳ loại vật thể bất thường nào có thể chuyển hướng ánh sáng ra khỏi ống kính đều có thể gây ra hậu quả khó lường như hỏa hoạn hoặc thương tích cho mắt.
- Bất kỳ hoạt động hoặc điều chỉnh nào không được hướng dẫn cụ thể trong sách hướng dẫn sử dụng sẽ dẫn đến nguy cơ tiếp xúc với bức xạ laser nguy hại.
- Không mở hoặc tháo rời máy chiếu bởi việc này có thể gây ra thiệt hại do tiếp xúc với bức xạ laser.
- Đừng nhìn thẳng vào chùm tia khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng mạnh có thể gây tổn thương mắt vĩnh viễn.
- Không theo quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc vận hành có thể gây ra thiệt hại do tiếp xúc với bức xạ laser

# Lưu ý về cách sử dụng

## Thận trọng



*Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.*

- Cảnh báo - Không nhìn vào thấu kính của máy chiếu khi đèn đang bật. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương và hỏng.
- Cảnh báo - Để giảm nguy cơ cháy hoặc điện giật, không để máy chiếu này dính nước hoặc hơi ẩm.
- Cảnh báo - Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.

# Lưu ý về cách sử dụng

## **Hãy:**

- ❖ Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- ❖ Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị.
- ❖ Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.

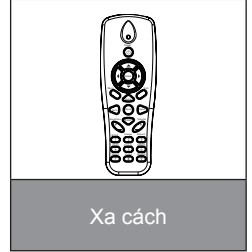
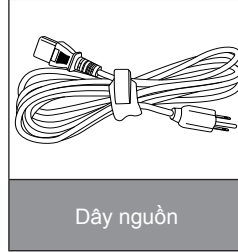
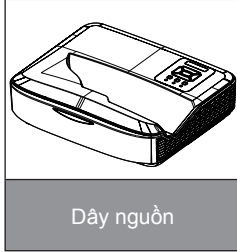
## **Đừng:**

- ❖ Chặn các khe và lỗ thông khí trên thiết bị.
- ❖ Sử dụng chất tẩy rửa, sáp hay dung môi mài mịn để lau thiết bị.
- ❖ Không làm sạch ống kính trong khi đang hoạt động, nếu không nó sẽ làm mất lớp phủ hoặc trầy xước trên bề mặt ống kính. Optoma được quyền từ chối bảo hành như vậy.
- ❖ Sử dụng trong các điều kiện sau:
  - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
    - ▶ Mức nước biển đến 6000 ft  
Cực nóng: > 35°C  
Cực mát: < 5°C
    - ▶ Trên 6000 ft  
Cực nóng: > 30°C  
Cực mát: < 5°C
    - ▶ Cực ẩm: > 70% R.H. (Độ ẩm tương đối)
  - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
  - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
  - Dưới ánh nắng trực tiếp.

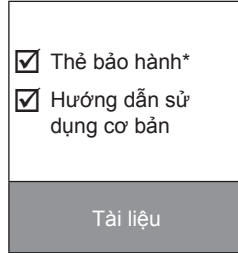
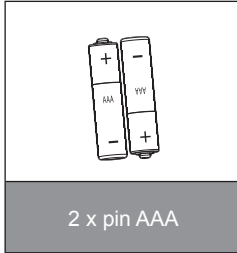
## Tổng quan về gói sản phẩm

Mở gói và kiểm tra các thành phần trong hộp để đảm bảo có tất cả các chi tiết dưới đây trong hộp. Nếu thiếu chi tiết nào, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng gần nhất.

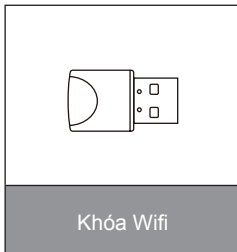
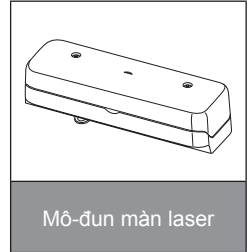
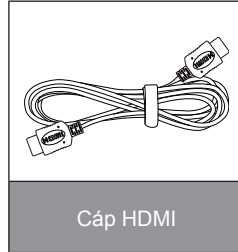
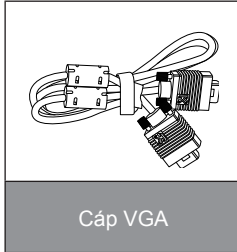
### Trang bị tiêu chuẩn



- ❖ Phụ kiện tùy chọn khác nhau tùy thuộc vào mẫu mã, đặc điểm kỹ thuật và khu vực.
- ❖ Đối với các phụ kiện rèm laser khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng rèm laser.
- ❖ \* Đối với thông tin bảo hành châu Âu, vui lòng truy cập [www.optomaeurope.com](http://www.optomaeurope.com)



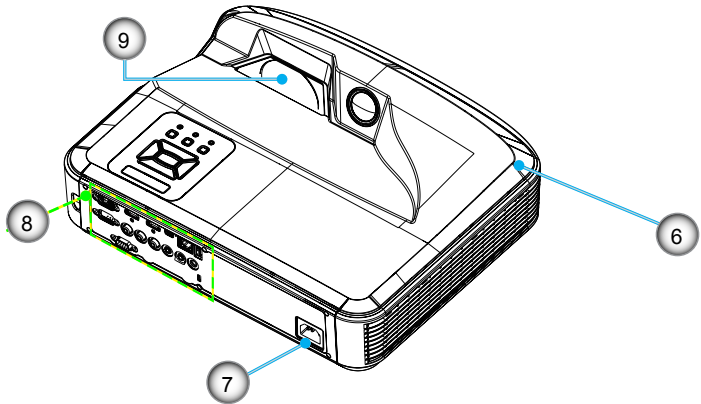
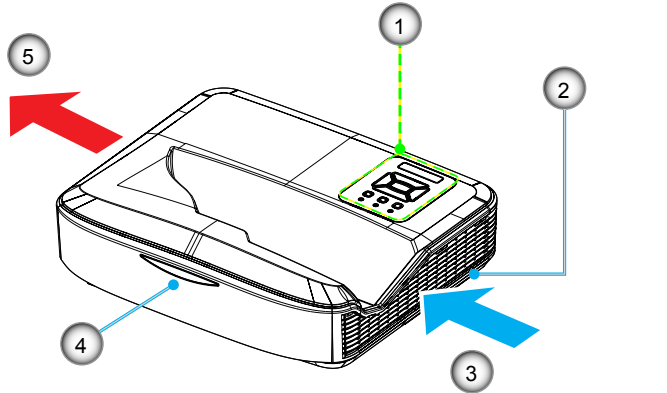
### Phụ kiện tùy chọn



# Giới thiệu

## Tổng quan về sản phẩm

### Thiết bị chính

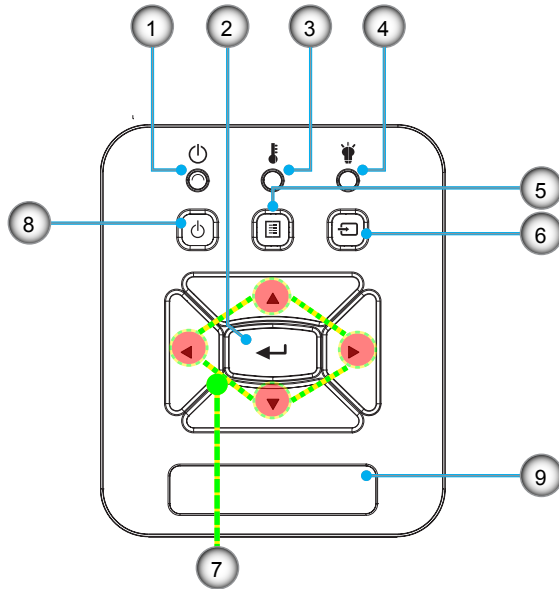


- ❖ Giao diện là thuộc thông số kỹ thuật của kiểu máy.
- ❖ Không chặn lỗ thông hơi vào / ra của máy chiếu và giữ khoảng cách tối thiểu 30cm.

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Bảng điều khiển       | 6. Loa              |
| 2. Công tắc lấy nét      | 7. Ổ cắm điện       |
| 3. Thông khí (cửa nạp)   | 8. Kết nối vào / ra |
| 4. Bộ thu hồng ngoại     | 9. Thấu kính        |
| 5. Thông khí (cửa thoát) |                     |



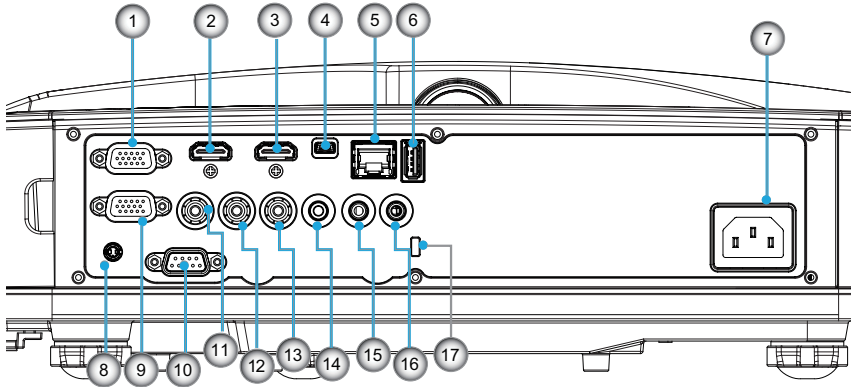
## Bảng điều khiển



1. Đèn LED nguồn
2. Nhập
3. Đèn LED nhiệt độ
4. Đèn LED bóng đèn
5. Trình đơn
6. Đầu vào
7. Bốn phím chọn điều hướng
8. Nút nguồn/chờ
9. Bộ thu hồng ngoại

# Giới thiệu

## Kết nối vào/ra



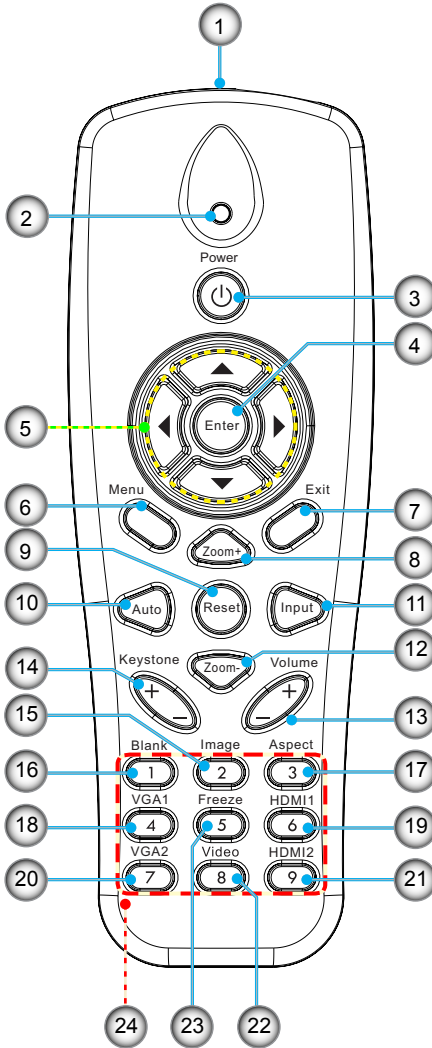
❖ Giao diện là thuộc thông số kỹ thuật của kiểu máy.



❖ Vòng lặp màn hình chỉ hỗ trợ trong VGA 1-In/YPbPr.

1. Đầu nối VGA1-In/YPbPr (Tín hiệu tương tự của máy tính/ Ngõ vào video thành phần/HDTV/YPbPr)
2. Đầu nối HDMI 2
3. Đầu nối HDMI 1
4. Đầu nối USB (Nối vào máy tính cho chức năng Chuột từ xa)
5. Đầu nối RJ45
6. Đầu nối USB Loại A
7. Ổ cắm điện
8. Đầu nối tương tác (giắc cắm mini 3,5 mm, tùy theo mẫu)
9. Đầu nối VGA-Out/VGA2-In
10. Đầu nối RS-232 (Loại DIN 9 chân)
11. Đầu nối ngõ vào video phức hợp
12. Đầu nối ngõ vào audio phức hợp (phải)
13. Đầu nối ngõ vào audio phức hợp (trái)
14. Đầu nối ngõ ra âm thanh (giắc cắm mini 3,5 mm)
15. Đầu nối ngõ vào âm thanh (giắc cắm mini 3,5 mm)
16. Đầu nối ngõ vào âm thanh (micrô)
17. Cổng khóa Kensington™ Cổng khóa Kensington™

## Bộ điều khiển từ xa



1. Bộ phát hồng ngoại
2. Chỉ báo LED
3. Bật/Tắt nguồn
4. OK
5. Bốn phím chọn điều hướng
6. Trình đơn
7. Thoát
8. Phóng to
9. Thiết lập lại
10. Tự động
11. Nguồn
12. Thu nhỏ
13. Âm lượng +/-
14. Chỉnh vuông +/-
15. Hình ảnh
16. Màn hình đen
17. Tỷ lệ màn hình
18. VGA 1
19. HDMI 1
20. VGA 2
21. HDMI 2
22. Video
23. Dừng màn hình
24. Bàn phím số (để nhập mật khẩu)

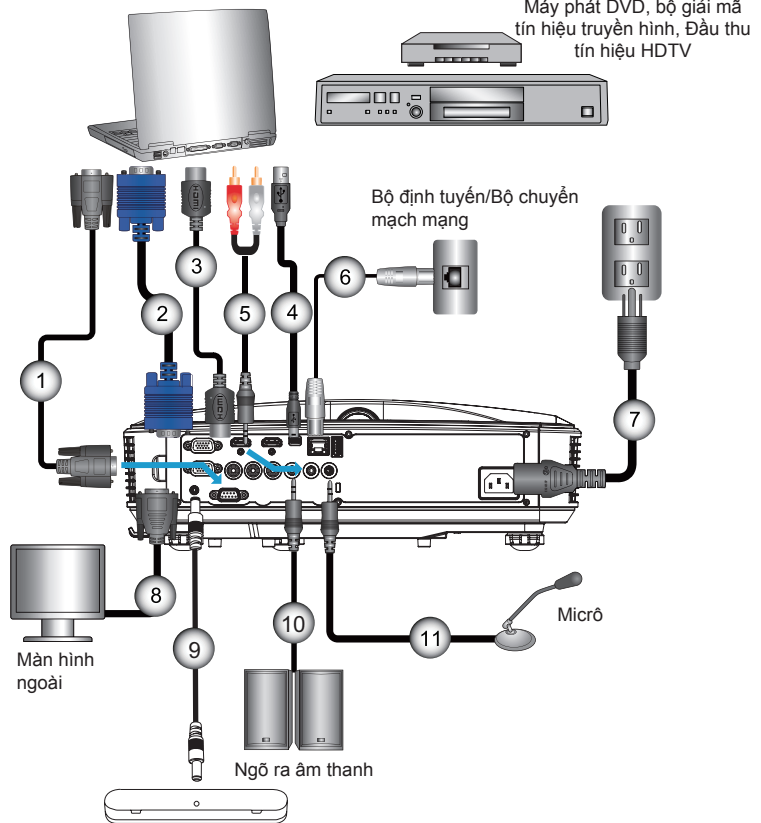


❖ Một số nút có thể không có chức năng cho các dòng máy không hỗ trợ những tính năng này.

# Lắp đặt

## Kết nối máy chiếu

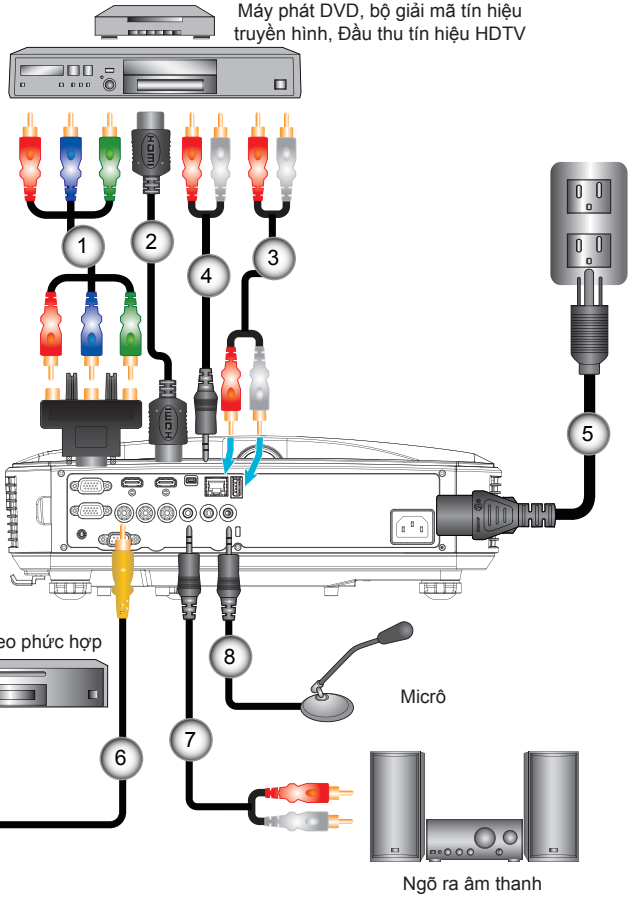
### Kết nối với máy tính/máy tính xách tay



- ❖ Do sự khác nhau ở các ứng dụng tại mỗi quốc gia nên một số khu vực có thể có phụ kiện khác nhau.
- ❖ (\*) Phụ kiện tùy chọn

- 1..... \*Cáp RS232
- 2..... \*Cáp VGA
- 3..... \*Cáp HDMI
- 4..... \*Cáp USB
- 5..... \*Giắc cắm/RCA cáp âm thanh
- 6..... \*Cáp RJ45
- 7..... Dây nguồn
- 8..... \*Cáp ngõ ra VGA
- 9..... \*Cáp tương tác
- 10..... \*Cáp ngõ ra âm thanh
- 11..... \*Cáp đầu vào micro

## Kết nối với các nguồn video




- ❖ Do sự khác nhau ở các ứng dụng tại mỗi quốc gia nên một số khu vực có thể có phụ kiện khác nhau.
- ❖ (\*) Phụ kiện tùy chọn

- |        |   |
|--------|---|
| 1..... | *Bộ điều hợp 15 chân sang 3 RCA thành phần/HDTV |
| 2..... | *Cáp HDMI                                       |
| 3..... | *Cáp thanh                                      |
| 4..... | *Giắc cắm/RCA cáp âm thanh                      |
| 5..... | Dây nguồn                                       |
| 6..... | *Cáp video phức hợp                             |
| 7..... | *Giắc cắm/RCA cáp âm thanh                      |
| 8..... | *Cáp ngõ vào âm thanh                           |

## Bật/tắt máy chiếu

### Bật máy chiếu

1. Kết nối chắc chắn dây nguồn và cáp tín hiệu. Khi đã kết nối, đèn LED BẬT/CHỜ sẽ sáng đỏ.
2. Bật đèn bằng cách nhấn nút “” trên máy chiếu hoặc trên bộ điều khiển. Vào thời điểm này, đèn LED BẬT/CHỜ sẽ chuyển sang màu Xanh dương. ❶

Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây. Lần đầu tiên sử dụng máy chiếu, bạn sẽ được yêu cầu chọn ngôn ngữ ưu tiên và chế độ tiết kiệm năng lượng.

3. Bật máy và kết nối nguồn mà bạn muốn hiển thị trên màn hình (máy tính, máy tính xách tay, máy phát video, v.v.). Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn. Nếu không, hãy nhấn nút thực đơn và vào “Tùy chọn”. Đảm bảo rằng “Khóa nguồn” đã được đặt về “Tắt”.

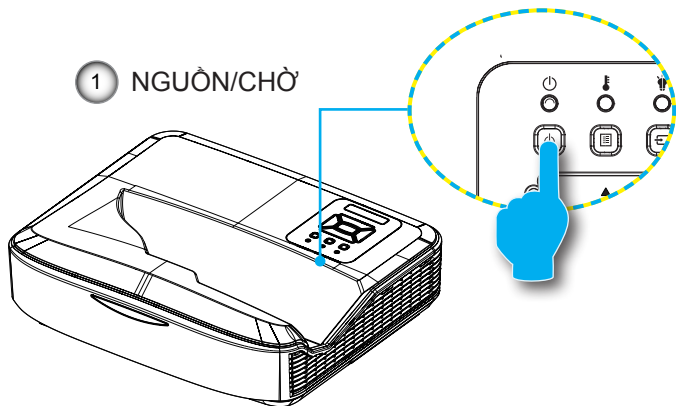
- ❖ Nếu bạn kết nối nhiều nguồn cùng lúc, hãy nhấn nút “NGỒ VÀO” trên bảng điều khiển hoặc nhấn các phím nguồn trên bộ điều khiển từ xa để chuyển đổi giữa các ngõ vào.



- ❖ Khi chế độ nguồn ở chế độ chờ (tiêu thụ điện < 0,5 W), ngõ ra/ngõ vào VGA và âm thanh sẽ bị ngừng hoạt động khi máy chiếu ở chế độ chờ.

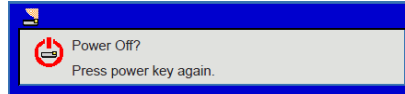


- ❖ Bật máy chiếu trước rồi chọn các nguồn tín hiệu.



## Tắt máy chiếu

1. Nhấn nút “**⏻**” trên bộ điều khiển từ xa hoặc trên bảng điều khiển để tắt máy chiếu. Thông báo sau sẽ hiển thị trên màn hình.



Nhấn lại nút “**⏻**” để xác nhận, bằng không thông báo sẽ biến mất sau 10 giây. Khi bạn nhấn nút “**⏻**” lần thứ hai, quạt sẽ bắt đầu làm mát hệ thống và sẽ tắt.

2. Quạt làm mát tiếp tục hoạt động khoảng 4 giây cho chu kỳ làm mát và đèn LED NGUỒN/CHỜ sẽ nhấp nháy màu Cam. Khi đèn LED BẬT/CHỜ sáng màu Cam ổn định, máy chiếu đã vào chế độ chờ.

Nếu bạn muốn bật lại máy chiếu, bạn phải chờ cho đến khi máy chiếu đã hoàn tất chu kỳ làm mát và vào chế độ chờ. Khi ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn nút “**⏻**” để khởi động lại máy chiếu.

3. Ngắt dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

## Chỉ báo cảnh báo

Khi các chỉ báo cảnh báo (xem bên dưới) bật, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- ❖ Chỉ báo LED “Đèn” sáng đỏ và nếu chỉ báo “NGUỒN/CHỜ” nhấp nháy màu vàng.
- ❖ Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ, điều này cho thấy máy chiếu đã quá nhiệt. Trong điều kiện bình thường, có thể bật lại máy chiếu.
- ❖ Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “NGUỒN/CHỜ” nhấp nháy màu vàng.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu chỉ báo cảnh báo sáng lần nữa, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để được trợ giúp.



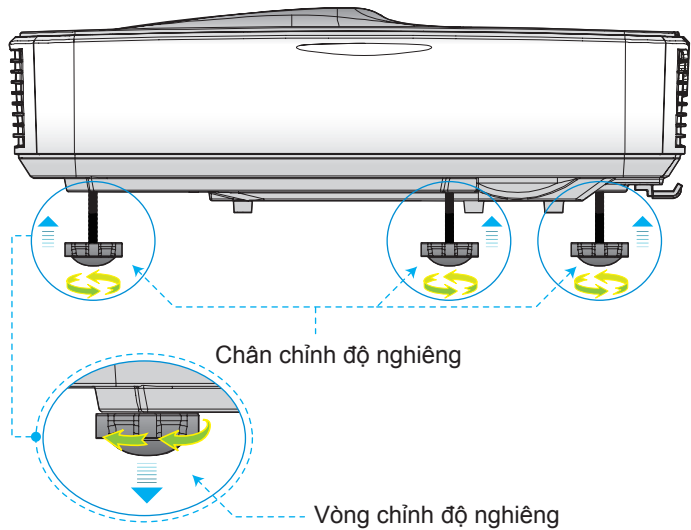
- ❖ Liên hệ với trung tâm bảo dưỡng gần nhất nếu máy chiếu hiển thị những triệu chứng này.

## Điều chỉnh hình ảnh chiếu

### Điều chỉnh độ cao của máy chiếu

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Đặt chân điều chỉnh bạn muốn chỉnh vào mặt dưới của máy chiếu.
2. Xoay vòng điều chỉnh theo chiều kim đồng hồ để nâng máy chiếu hoặc ngược chiều kim đồng hồ để hạ thấp máy. Lặp lại với các chân còn lại nếu thấy cần.

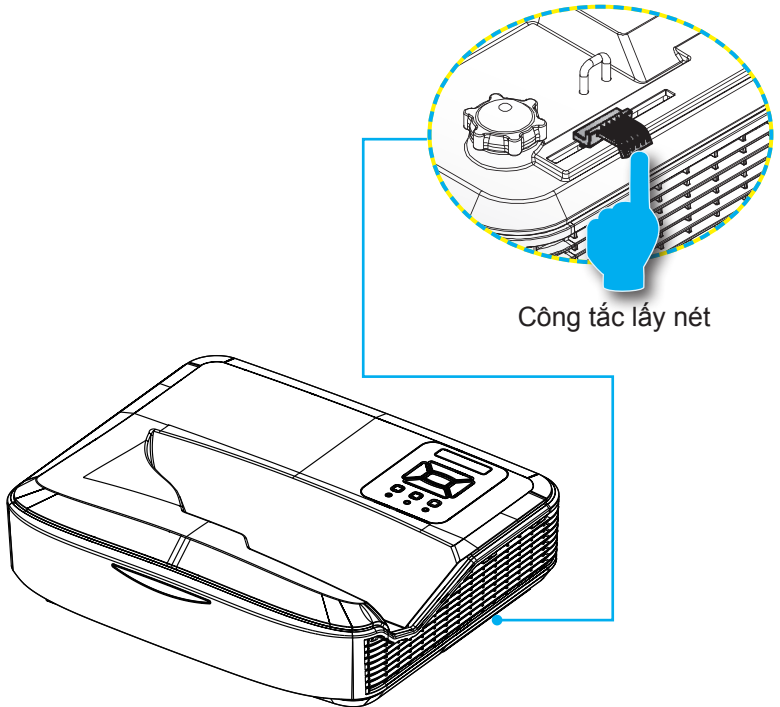




## Điều chỉnh tiêu điểm của máy chiếu

Để lấy nét hình ảnh, hãy trượt công tắc lấy nét sang trái/phải cho đến khi hình ảnh nét.

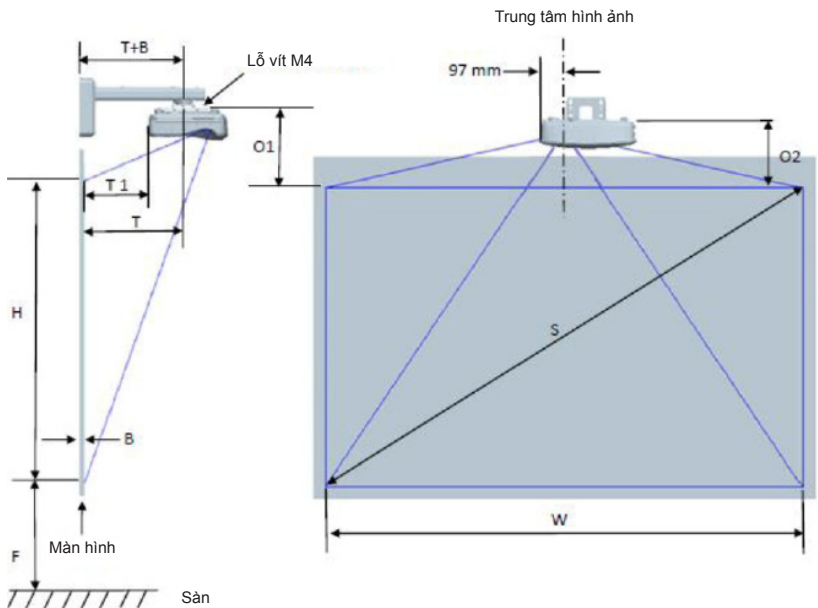
- ▶ Dòng 1080p: Máy chiếu sẽ lấy nét ở khách cách (thấu kính đến tường) từ 1,654 đến 2,205 feet (0,504 đến 0,672 m).
- ▶ Dòng WUXGA: Máy chiếu sẽ lấy nét ở khách cách (thấu kính đến tường) từ 1,644 đến 2,198 feet (0,501 đến 0,670 m).



# Lắp đặt

## Điều chỉnh kích thước hình ảnh chiếu (Đường chéo)

- ▶ Dòng 1080p: Kích thước hình ảnh chiếu từ 90" đến 120"  
(2,286 đến 3,048 mét)
- ▶ Dòng WUXGA: Kích thước hình ảnh chiếu từ 93" đến 123"  
(2,362 đến 3,124 mét)



Biểu đồ số đo lắp đặt gắn tường 1080P (16:9)

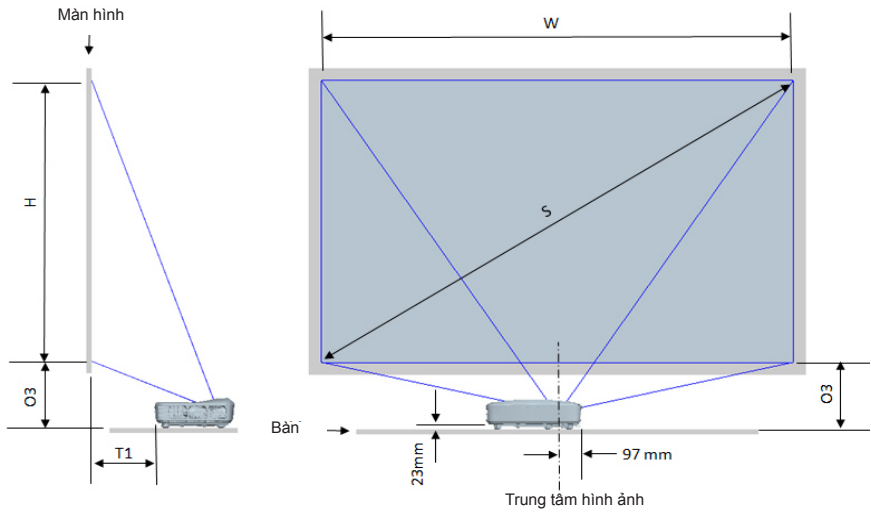
Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (W) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách ném	Bù lại	Dung sai bù đắp (+/-)	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến tâm gắn máy chiếu (T) theo mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của tâm ống tường (O) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của vấu ghép nối (O1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của máy chiếu (O2) theo mm
90	2286	1992	1121	504	224	34	379	242	363	287	267
91	2311	2015	1133	510	227	34	385	248	366	290	270
92	2337	2037	1146	515	229	34	390	253	368	292	272
93	2362	2059	1158	521	232	35	396	259	371	295	275
94	2388	2081	1171	527	234	35	402	265	373	297	277
95	2413	2103	1183	532	237	35	407	270	376	300	280
96	2438	2125	1196	538	239	36	413	276	378	302	282
97	2464	2147	1208	543	242	36	418	281	381	305	285
98	2489	2170	1220	549	244	37	424	287	383	307	287
99	2515	2192	1233	555	247	37	430	293	386	310	290
100	2540	2214	1245	560	249	37	435	298	388	312	292
101	2565	2236	1258	566	252	38	441	304	391	315	295
102	2591	2258	1270	571	254	38	446	309	393	317	297
103	2616	2280	1283	577	257	38	452	315	396	320	300
104	2642	2302	1295	583	259	39	458	321	398	322	302
105	2667	2325	1308	588	262	39	463	326	401	325	305
106	2692	2347	1320	594	264	40	469	332	403	327	307
107	2718	2369	1333	599	267	40	474	337	406	330	310
108	2743	2391	1345	605	269	40	480	343	408	332	312
109	2769	2413	1357	611	271	41	486	349	410	334	314
110	2794	2435	1370	616	274	41	491	354	413	337	317
111	2819	2457	1382	622	276	41	497	360	415	339	319
112	2845	2480	1395	627	279	42	502	365	418	342	322
113	2870	2502	1407	633	281	42	508	371	420	344	324
114	2896	2524	1420	639	284	43	514	377	423	347	327
115	2921	2546	1432	644	286	43	519	382	425	349	329
116	2946	2568	1445	650	289	43	525	388	428	352	332
117	2972	2590	1457	655	291	44	530	393	430	354	334
118	2997	2612	1470	661	294	44	536	399	433	357	337
119	3023	2634	1482	667	296	44	542	405	435	359	339
120	3048	2657	1494	672	299	45	547	410	438	362	342

# Lắp đặt

Biểu đồ số đo lắp đặt gắn bàn WUXGA (16:10)											
Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (W) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách ném	Bù lại	Dung sai bù đắp (+/-)	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến tâm gắn máy chiếu (T) theo mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của tâm ống tường (O) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của vấu ghép nối (O1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của máy chiếu (O2) theo mm
92	2337	1982	1239	501	211	37	376	239	350	274	254
93	2362	2003	1252	507	213	38	382	245	352	276	256
94	2388	2025	1265	512	215	38	387	250	354	278	258
95	2413	2046	1279	518	217	38	393	256	356	280	260
96	2438	2068	1292	523	220	39	398	261	359	283	263
97	2464	2089	1306	529	222	39	404	267	361	285	265
98	2489	2111	1319	534	224	40	409	272	363	287	267
99	2515	2132	1333	539	227	40	414	277	366	290	270
100	2540	2154	1346	545	229	40	420	283	368	292	272
101	2565	2175	1360	550	231	41	425	288	370	294	274
102	2591	2197	1373	556	233	41	431	294	372	296	276
103	2616	2219	1387	561	236	42	436	299	375	299	279
104	2642	2240	1400	567	238	42	442	305	377	301	281
105	2667	2262	1414	572	240	42	447	310	379	303	283
106	2692	2283	1427	578	243	43	453	316	382	306	286
107	2718	2305	1440	583	245	43	458	321	384	308	288
108	2743	2326	1454	589	247	44	464	327	386	310	290
109	2769	2348	1467	594	249	44	469	332	388	312	292
110	2794	2369	1481	599	252	44	474	337	391	315	295
111	2819	2391	1494	605	254	45	480	343	393	317	297
112	2845	2412	1508	610	256	45	485	348	395	319	299
113	2870	2434	1521	616	259	46	491	354	398	322	302
114	2896	2455	1535	621	261	46	496	359	400	324	304
115	2921	2477	1548	627	263	46	502	365	402	326	306
116	2946	2499	1562	632	265	47	507	370	404	328	308
117	2972	2520	1575	638	268	47	513	376	407	331	311
118	2997	2542	1589	643	270	48	518	381	409	333	313
119	3023	2563	1602	648	272	48	523	386	411	335	315
120	3048	2585	1615	654	275	48	529	392	414	338	318
121	3073	2606	1629	659	277	49	534	397	416	340	320
122	3099	2628	1642	665	279	49	540	403	418	342	322
123	3124	2649	1656	670	281	50	545	408	420	344	324
124	3150	2671	1669	676	284	50	551	414	423	347	327

❖ Bảng này chỉ dành cho người dùng tham khảo.

# Lắp đặt



# Lắp đặt

Biểu đồ số đo lắp đặt gắn bàn 1080P (16:9)

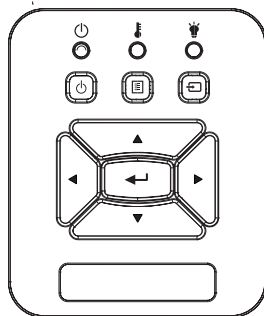
Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (W) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ đáy hình ảnh tới đỉnh bàn (O3) theo mm
90	2286	1992	1121	242	290
91	2311	2015	1133	248	293
92	2337	2037	1146	253	295
93	2362	2059	1158	259	298
94	2388	2081	1171	265	300
95	2413	2103	1183	270	303
96	2438	2125	1196	276	305
97	2464	2147	1208	281	308
98	2489	2170	1220	287	310
99	2515	2192	1233	293	313
100	2540	2214	1245	298	315
101	2565	2236	1258	304	318
102	2591	2258	1270	309	320
103	2616	2280	1283	315	323
104	2642	2302	1295	321	325
105	2667	2325	1308	326	328
106	2692	2347	1320	332	330
107	2718	2369	1333	337	333
108	2743	2391	1345	343	335
109	2769	2413	1357	349	337
110	2794	2435	1370	354	340
111	2819	2457	1382	360	342
112	2845	2480	1395	365	345
113	2870	2502	1407	371	347
114	2896	2524	1420	377	350
115	2921	2546	1432	382	352
116	2946	2568	1445	388	355
117	2972	2590	1457	393	357
118	2997	2612	1470	399	360
119	3023	2634	1482	405	362
120	3048	2657	1494	410	365

Biểu đồ số đo lắp đặt gắn bàn WUXGA (16:10)					
Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (W) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ đáy hình ảnh tới đỉnh bàn (O3) theo mm
92	2337	1982	1239	239	277
93	2362	2003	1252	245	279
94	2388	2025	1265	250	281
95	2413	2046	1279	256	283
96	2438	2068	1292	261	286
97	2464	2089	1306	267	288
98	2489	2111	1319	272	290
99	2515	2132	1333	277	293
100	2540	2154	1346	283	295
101	2565	2175	1360	288	297
102	2591	2197	1373	294	299
103	2616	2219	1387	299	302
104	2642	2240	1400	305	304
105	2667	2262	1414	310	306
106	2692	2283	1427	316	309
107	2718	2305	1440	321	311
108	2743	2326	1454	327	313
109	2769	2348	1467	332	315
110	2794	2369	1481	337	318
111	2819	2391	1494	343	320
112	2845	2412	1508	348	322
113	2870	2434	1521	354	325
114	2896	2455	1535	359	327
115	2921	2477	1548	365	329
116	2946	2499	1562	370	331
117	2972	2520	1575	376	334
118	2997	2542	1589	381	336
119	3023	2563	1602	386	338
120	3048	2585	1615	392	341
121	3073	2606	1629	397	343
122	3099	2628	1642	403	345
123	3124	2649	1656	408	347
124	3150	2671	1669	414	350


# Lưu ý về cách sử dụng

## Bảng điều khiển và Bộ điều khiển từ xa

### Bảng điều khiển



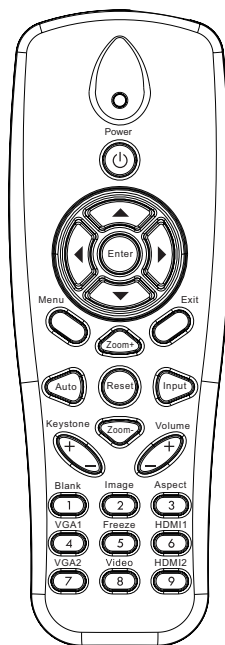
#### Sử dụng bảng điều khiển

Nguồn	 Tham khảo phần “Bật/Tắt máy chiếu máy chiếu” ở trang 14-15.
Nhập	Nhấn “Nhập” để xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Đầu vào	Nhấn “NGÕ VÀO” để chọn tín hiệu đầu vào.
Trình đơn	Nhấn “Thực đơn” để mở thực đơn hiển thị trên màn hình (OSD). Để thoát OSD, nhấn nút “Trình đơn” lần nữa.
Bốn phím chọn điều hướng	Sử dụng nút ▲▼◀▶ để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Đèn LED bóng đèn	Tham khảo chỉ báo LED của trạng thái nguồn sáng máy chiếu.
Đèn LED nhiệt độ	Tham khảo chỉ báo LED của trạng thái nhiệt độ máy chiếu.
LED BẬT/CHỜ	Tham khảo chỉ báo LED của trạng thái nguồn điện máy chiếu.



# Lưu ý về cách sử dụng

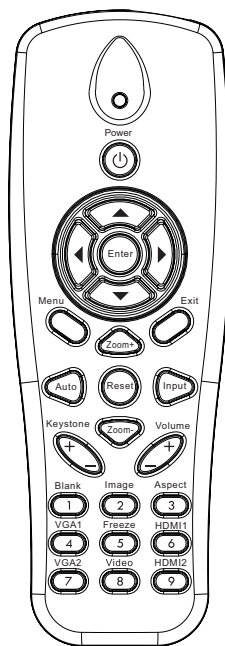
## Bộ điều khiển từ xa



### Sử dụng bộ điều khiển từ xa

Bộ phát hồng ngoại	Gửi tín hiệu đến máy chiếu.
LED	Chỉ báo LED.
Nguồn 	Tham khảo phần “Bật/Tắt máy chiếu” ở trang 14-15.
Thoát	Nhấn “Thoát” để đóng menu trên màn hình.
Phóng to	Phóng to hiển thị máy chiếu.
Thiết lập lại	Quay lại các điều chỉnh và thiết lập về những giá trị mặc định của nhà máy. (ngoại trừ số đếm của đèn)
Thu nhỏ	Thu nhỏ hiển thị của máy chiếu.
Nhập	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Đầu vào	Nhấn “Ngõ vào” để chọn tín hiệu đầu vào.
Tự động	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.
Bốn phím chọn điều hướng	Sử dụng nút ▲▼◀▶ để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Chỉnh vuông +/-	Điều chỉnh độ méo hình ảnh do nghiêng máy chiếu.
Âm lượng +/-	Điều chỉnh tăng / giảm âm lượng.
Tỉ lệ màn hình	Sử dụng chức năng này để chọn tỉ lệ màn hình mong muốn.
Trình đơn	Nhấn “Thực đơn” để mở thực đơn hiển thị trên màn hình (OSD). Để thoát OSD, nhấn nút “Thực đơn” lần nữa.

# Lưu ý về cách sử dụng



## Sử dụng bộ điều khiển từ xa

VGA1	Nhấn “VGA1” để chọn đầu nối VGA IN 1.
Màn hình trống không	Bật/tắt ngay âm thanh và video.
HDMI1	Nhấn “HDMI1” để chọn đầu nối HDMI IN 1.
HDMI2	Nhấn “HDMI2” để chọn đầu nối HDMI IN 2.
VGA2	Nhấn “VGA2” để chọn đầu nối VGA IN 2.
Video	Nhấn “Video” để chọn nguồn video phức hợp.
Dừng màn hình	Tạm ngưng hình ảnh màn hình. Nhấn “Đóng băng” để tạm dừng hình ảnh trên màn hình.
Hình ảnh	Chọn chế độ hiển thị từ Độ sáng, Máy tính, Phim, Game và Người dùng.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Mã hồng ngoại từ xa

chú giải phím	NEC_CODE			
	mã tùy chỉnh		Dữ liệu	
	Byte1	Byte2	Byte3	Byte4
Nguồn	FF	FF	E8	17
Lên	FF	FF	E7	18
Trái	FF	FF	E6	19
Nhập	FF	FF	F8	7
Phải	FF	FF	F7	8
Xuống	FF	FF	F6	9
Trình đơn	FF	FF	EB	14
Thu phóng +	FF	FF	FB	4
Thoát	FF	FF	FF	0
Tự động	FF	FF	FA	5
Thiết lập lại	FF	FF	EA	15
Đầu vào	FF	FF	E0	1F
Thu phóng -	FF	FF	FE	1
Chỉnh vuông +	FF	FF	F0	0F
Chỉnh vuông -	FF	FF	E2	1D
Âm lượng -	FF	FF	F2	0D
Âm lượng +	FF	FF	BD	42
Blank/1	FF	FF	BE	41
Image/2	FF	FF	F3	0C
Aspect/3	FF	FF	E3	1C
VGA1 /4	FF	FF	BF	40
Freeze/5	FF	FF	EC	13
HDMI1/6	FF	FF	E5	1A
VGA2 /7	FF	FF	E4	1B
HDMI2 /8	FF	FF	EF	10
S-Video /9	FF	FF	E1	1E

# Lưu ý về cách sử dụng

## Trình đơn Hiển thị trên màn hình (OSD)

Máy chiếu có các trình đơn Hiển thị trên màn hình cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt.

### Cấu trúc

**Ghi chú:** Vui lòng lưu ý rằng các trình đơn hiển thị trên màn hình (OSD) thay đổi tùy theo loại tín hiệu được chọn và model máy chiếu bạn đang sử dụng.

Cây menu chính cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	
Menu hình ảnh	Chế độ màu	Độ sáng / Máy tính / Phim / Trộn / Trò chơi / Người dùng		
	Màu tường	Màu trắng/Vàng nhạt/Xanh dương nhạt/Hồng/Xanh lá sẫm		
	Độ sáng	Máy đo để điều chỉnh		
	Độ tương phản	Máy đo để điều chỉnh		
	Độ sắc nét	Máy đo để điều chỉnh		
	Độ bão hòa	Máy đo để điều chỉnh		
	Màu sắc	Máy đo để điều chỉnh		
	Gamma	Máy đo để điều chỉnh		
	Mức độ màu	Máy đo để điều chỉnh (Số phải hiển thị nhiệt độ màu thực) 6500K / 7500K / 8300K		
	Cài đặt màu	RGB		
Màu sắc			Máy đo để điều chỉnh	
Độ bão hòa			Máy đo để điều chỉnh	
Độ lợi			Máy đo để điều chỉnh	
Menu màn hình	Tỉ lệ màn hình	Tự động / 4: 3/16: 9 / 16:10 (Siêu rộng 16: 6)		
	Pha	Máy đo để điều chỉnh		
	Đồng hồ	Máy đo để điều chỉnh		
	Vị trí H.	Máy đo để điều chỉnh		
	Vị trí V.	Máy đo để điều chỉnh		
	Zoom kỹ thuật số	Máy đo để điều chỉnh		
	Hiệu chỉnh hình học	V Keystone		Máy đo để điều chỉnh
		H Keystone		Máy đo để điều chỉnh
		Bật / Tắt 4 góc		Bật/Tắt
		Màu lưới		Trắng / Xanh / Đỏ / Tím
		Điều chỉnh 4 góc		Mẫu điều chỉnh
	Đặt lại 4 góc		Có/Không	
	Trần	Phía trước/Trần trước/Phía sau/Trần sau		
Kích cỡ	Máy đo để điều chỉnh			
Dịch chuyển hình ảnh	Vị trí nằm ngang			
	Vị trí thẳng đứng			

# Lưu ý về cách sử dụng

Cây menu chính cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
Cài đặt menu	Ngôn ngữ	Menu phụ cho 18 ngôn ngữ 1: English 2: Deutsch 3: Svenska 4: Français 5: عربي 6: Nederlands 7: Bokmal & Nynorsk 8: Dansk 9: 简体中文 10: Polski 11: 한국어 12: Русский 13: Español 14: 繁體中文 15: Italiano 16: Português 17: Türkçe 18: 日本語	
	Vị trí menu	Trên cùng bên trái / Trên cùng bên phải / Trung tâm / Dưới cùng bên trái / Dưới cùng bên phải	
	Đóng chụp hình nền	Tắt/CC1/CC2/CC3/CC4	
	Ngõ ra VGA (Chờ)	Bật/Tắt	
	VGA 2 (Chức năng)	Bật/Tắt	
	LAN (CHỜ)	Bật/Tắt	
	Mẫu thử	Bật/Tắt	
	Bật nguồn trực tiếp	Bật/Tắt	
	Bật nguồn điện	Bật/Tắt	
	Thiết lập lại	Có/Không	
Menu âm lượng	Loa	Bật/Tắt	
	Đường ra	Bật/Tắt	
	Micrô	Bật/Tắt	
	Tắt tiếng	Bật/Tắt	
	Âm lượng	Máy đo để điều chỉnh	
	Âm lượng micrô	Máy đo để điều chỉnh	

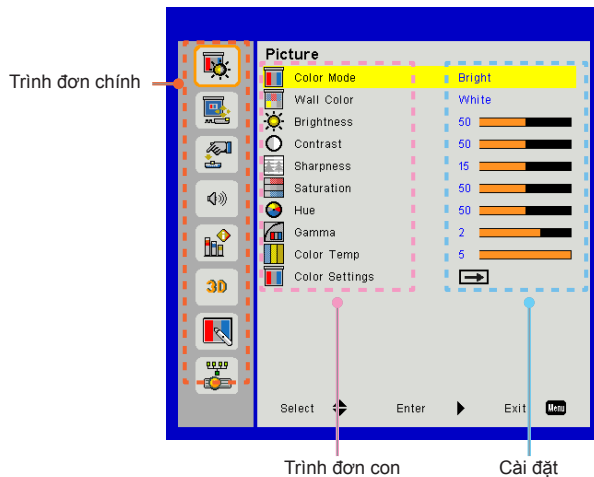
# Lưu ý về cách sử dụng

Cây menu chính cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	
<b>Menu tùy chọn</b>	Biểu tượng	Chế độ mặc định/Người sử dụng		
	Chế độ chụp hình nền	Thực hiện Chụp màn hình và hiển thị thông báo trên màn hình		
	Nguồn tự động	Bật / Tắt		
	Đầu vào	VGA-1 / VGA-2 / HDMI-1 / HDMI-2 / Kết hợp / Đa phương tiện / hiển thị LAN		
	Tắt nguồn (phút)	Máy đo để điều chỉnh		
	Cài đặt SSI	Số giờ SSI đã dùng (Bình thường)		
		Số giờ SSI đã dùng (ECO)		
		Chế độ nguồn SSI		Bình thường / ECO
	Biểu hiện cao	Bật / Tắt		
	Nhắc nhở bộ lọc (giờ)	Nhắc nhở bộ lọc Xóa bỏ nhắc nhở		Có/Không
	Thông tin	(Chỉ hiển thị)		Bật / Tắt
	Mã nhận dạng (ID)	Máy đo để điều chỉnh		
Signage kỹ thuật số	Bật/Tắt			
<b>Menu 3D</b>	3D	Tắt/ Mở/ Tự động		
	Đảo ngược 3D	Bật / Tắt		
	Định dạng 3D	Frame Packing / Side-by-Side (Half) / Top and Bottom / Frame Sequential / Field Sequential		
	1080P@24	96 Hz/144 Hz		
<b>Menu LAN</b>	Tình trạng	(Chỉ hiển thị)		
	DHCP	Bật/Tắt		
	Địa chỉ IP	Có thể chỉnh sửa		
	Subnet mask	Có thể chỉnh sửa		
	Gateway	Có thể chỉnh sửa		
	DNS	Có thể chỉnh sửa		
	Lưu trữ	Có/Không		
	Địa chỉ MAC	(Chỉ hiển thị)		
	Tên nhóm	(Chỉ hiển thị)		
	Tên máy chiếu	(Chỉ hiển thị)		
	Vị trí	(Chỉ hiển thị)		
Liên hệ	(Chỉ hiển thị)			

# Lưu ý về cách sử dụng

## Cách sử dụng

1. Để mở trình đơn OSD, nhấn “Trình đơn” trên bộ điều khiển từ xa hoặc bàn phím máy chiếu.
2. Khi OSD được hiển thị, sử dụng các phím ▲▼ để chọn bất kỳ mục nào trong trình đơn chính. Trong khi lựa chọn ở một trang cụ thể, nhấn ► hoặc phím “Enter” để vào trình đơn con.
3. Sử dụng các ▲▼ phím để chọn mục mong muốn và điều chỉnh các cài đặt bằng ◀▶ phím.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong trình đơn con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn “Nhập” để xác nhận, và màn hình sẽ quay lại thực đơn chính.
6. Để thoát, nhấn nút “Trình đơn” lần nữa. Trình đơn OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



# Lưu ý về cách sử dụng

## Hình

### Chế độ màu

Có nhiều cài đặt sẵn được tối ưu hóa cho nhiều loại hình ảnh khác nhau.

Sử dụng nút ◀ hoặc ▶ để chọn mục cần chọn.

- Độ sáng: Để tối ưu hóa độ sáng.
- Máy tính: Để trình bày hội họp.
- Phim: Để mở nội dung video.
- Trộn: Giai điệu cho thao tác khâu.
- Trò chơi: Cho nội dung game.
- Người dùng: Cài đặt của người dùng.

### Màu tường

Sử dụng chức năng này để có được hình ảnh màn hình tối ưu phù hợp với màu tường. Bạn có thể chọn trong “Màu trắng”, “Vàng nhạt”, “Xanh dương nhạt”, “Hồng”, và “Xanh lá sẫm”.

### Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

- Nhấn ▶ để làm tối hình ảnh.
- Nhấn nút ▶ để làm sáng hình ảnh.

### Độ tương phản

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình. Việc điều chỉnh độ tương phản làm thay đổi mức độ đen và trắng trong hình ảnh.

- Nhấn nút ▶ để giảm độ tương phản.
- Nhấn nút ▶ để tăng độ tương phản



# Lưu ý về cách sử dụng

## Độ sắc nét

Điều chỉnh độ nét của hình ảnh.

- Nhấn nút ◀ để giảm độ nét.
- Nhấn nút ▶ để tăng độ nét.

## Độ bão hòa

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

- Nhấn nút ◀ để giảm mức bão hòa trong hình ảnh.
- Nhấn nút ▶ để tăng mức bão hòa trong hình ảnh.

## Màu sắc

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

- Nhấn nút ◀ để tăng màu xanh lục trong hình ảnh.
- Nhấn nút ▶ để tăng màu đỏ trong hình ảnh.

## Gamma

Chức năng này cho phép bạn điều chỉnh giá trị gamma để có được độ tương phản hình ảnh tốt hơn cho ngõ vào.

## Mức độ màu

Điều này cho phép bạn điều chỉnh nhiệt độ màu. Ở nhiệt độ cao, màn hình trông lạnh hơn; ở nhiệt độ thấp hơn, màn hình trông ấm áp hơn.

## Cài đặt màu

Sử dụng các cài đặt cho điều chỉnh nâng cao thành các màu riêng lẻ Đỏ, Lục, Xanh, Chàm, Tím, Vàng và Trắng.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Màn hình

### Tỉ lệ màn hình

- TỰ ĐỘNG: Giữ hình ảnh với tỉ lệ chiều rộng/chiều cao ban đầu và tối đa hóa hình ảnh để phù hợp với số pixel ngang hoặc dọc gốc.
- 4:3: Hình ảnh sẽ được thu lại để phù hợp với màn hình và được hiển thị sử dụng tỉ lệ 4:3.
- 16:9: Hình ảnh sẽ được thu lại để phù hợp với chiều rộng của màn hình và chiều cao được điều chỉnh để hiển thị hình ảnh sử dụng một tỉ lệ 16:9.
- 16:10: Hình ảnh sẽ được thu lại để phù hợp với chiều rộng của màn hình và chiều cao được điều chỉnh để hiển thị hình ảnh sử dụng một tỉ lệ 16:10.

### Pha

Đồng bộ hóa định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.

### Đồng hồ

Điều chỉnh để đạt được hình ảnh tối ưu khi có vạch thẳng đứng trong hình ảnh.

### Vi trí H.

- Nhấn nút ◀ để chuyển hình ảnh sang trái.
- Nhấn nút ▶ để chuyển hình ảnh sang phải.

### Vi trí V.

- Nhấn nút ◀ để chuyển hình ảnh xuống dưới.
- Nhấn nút ▶ để chuyển hình ảnh lên trên.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Zoom kỹ thuật số

- Nhấn nút ◀ để thu nhỏ kích thước của hình ảnh.
- Nhấn nút ▶ để phóng to hình ảnh trên màn chiếu.

## Hiệu chỉnh hình học

- Sử dụng keystone hoặc 4 tính năng điều chỉnh góc để có được hình ảnh hoàn hảo, hình chữ nhật.
- Độ vuông dọc: Điều chỉnh biến dạng hình ảnh theo chiều dọc. Nếu hình ảnh trông giống hình thang, tùy chọn này có thể giúp làm cho hình ảnh có hình chữ nhật.
- H Keystone Điều chỉnh biến dạng hình ảnh theo chiều ngang. Nếu hình ảnh trông giống hình thang, tùy chọn này có thể giúp làm cho hình ảnh có hình chữ nhật.
- Bật / Tắt 4 góc: Chọn “Bật” để kích hoạt 4 chức năng hiệu chỉnh góc.
- Màu lưới: Đặt màu lưới chức năng hiệu chỉnh 4 góc.
- Điều chỉnh 4 góc: Điều chỉnh 4 góc hình ảnh từng pixel để làm cho hình ảnh vuông vức.
- Đặt lại 4 góc: Trả về cài đặt mặc định của nhà máy cho H / V Keystone và 4 tham số góc.

## Trần

- Phía trước: Hình ảnh được chiếu thẳng vào màn hình.
- Trần trước: Đây là lựa chọn mặc định. Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện lộn ngược.
- Phía sau: Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện đảo ngược.
- Trần sau: Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện đảo ngược ở vị trí lộn ngược.

# ***Lưu ý về cách sử dụng***

## Kích cỡ

Nhấn nút phải và nút trái để điều chỉnh thanh màu và giá trị của số

## Dịch chuyển hình ảnh

Nhấn nút phải và nút trái để điều chỉnh thanh màu và giá trị của số

# Lưu ý về cách sử dụng

## Cài đặt

### Ngôn ngữ

Chọn trình đơn OSD đa ngôn ngữ. Nhấn nút ◀ hoặc ▶ trong trình đơn con và sau đó sử dụng nút ▲ hoặc ▼ để chọn ngôn ngữ ưa chuộng. Nhấn nút ▶ trên điều khiển từ xa để kết thúc lựa chọn.

### Vi trí menu

Chọn vị trí trình đơn trên màn hình hiển thị.

### Đóng chụp hình nền

Sử dụng chức năng này để cho phép đóng trình đơn chụp hình nền. Chọn tùy chọn chụp hình nền đã đóng thích hợp: Tắt, CC1, CC2, CC3, và CC4.

### Ngõ ra VGA (Chờ)

Chọn “Bật” để cho phép kết nối VGA OUT.

### VGA2 (Chức năng)

- Đầu vào: Chọn “Ngõ vào” để cho phép cổng VGA hoạt động như chức năng ngõ vào VGA.
- Ngõ ra: Chọn “Ngõ ra” để cho phép chức năng VGA Out một khi máy chiếu đã bật nguồn.

### LAN (CHỜ)

Chọn “Bật” để cho phép kết nối LAN. Chọn “Tắt” để tắt kết nối LAN.

### Mẫu thử

Hiển thị mẫu kiểm tra.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ nguồn Trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật khi nguồn AC được cung cấp mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bảng điều khiển của máy chiếu hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

## Bật nguồn điện

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật khi phát hiện ra tín hiệu mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bảng điều khiển của máy chiếu hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

## Thiết lập lại

Chọn “Có” trả lại các tham số hiển thị trên mọi trình đơn về cài đặt mặc định.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Âm lượng

### Loa

- Chọn “Bật” để mở loa.
- Chọn “Tắt” để tắt loa.

### Đường ra

- Chọn “Bật” để cho phép chức năng đường ra.
- Chọn “Tắt” để tắt chức năng đường ra.

### Micrô

- Chọn “Bật” để bật micrô.
- Chọn “Tắt” để tắt micrô.

### Tắt tiếng

- Chọn “Bật” để tắt tiếng.
- Chọn “Tắt” để bật tiếng.

### Âm lượng

- Nhấn ◀ để giảm âm lượng.
- Nhấn ▶ để tăng âm lượng.

### Âm lượng micrô

- Nhấn nút ◀ để giảm âm lượng micrô.
- Nhấn nút ▶ để tăng âm lượng micrô.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Tùy chọn

### Biểu tượng

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thay đổi được thực hiện, nó sẽ có hiệu quả vào lần bật máy chiếu sau.

- Chế độ mặc định: Màn hình khởi động mặc định.
- Người sử dụng: Sử dụng hình ảnh được lưu trữ từ chức năng Chế độ chụp hình nền".

### Chế độ chụp hình nền

Nhấn nút ► để chụp ảnh của hình ảnh hiện được hiển thị trên màn hình.

### Nguồn tự động

- Bật: Máy chiếu sẽ tìm kiếm các tín hiệu khác nếu không tìm thấy tín hiệu đầu vào hiện tại.
- Tắt: Máy chiếu sẽ chỉ tìm kiếm kết nối đầu vào hiện tại.

### Đầu vào

Nhấn nút ► để cho phép/tắt nguồn ngõ vào. Máy chiếu sẽ không tìm kiếm các ngõ vào mà không được chọn.

### Tắt nguồn (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).



# Lưu ý về cách sử dụng

## Cài đặt SSI

- Giờ sử dụng SSI (Bình thường): Hiển thị thời gian chiếu ở chế độ bình thường.
- Giờ sử dụng SSI (ECO): Hiển thị thời gian chiếu ở chế độ ECO.
- Nhấn Enter để vào Chế độ năng lượng.

## Điều chỉnh tốc độ quạt

- Bật: Quạt dừng sẵn chạy ở tốc độ cao. Chọn tùy chọn này khi sử dụng máy chiếu ở cao độ trên 2500 ft/762 m hoặc cao hơn.
- Tắt: Quạt dừng sẵn tự động chạy ở tốc độ thay đổi theo nhiệt độ bên trong.

## Nhắc nhở bộ lọc (giờ)

- Nhắc nhở bộ lọc (giờ): Đặt thời gian nhắc nhở bộ lọc.
- Xóa bỏ nhắc nhở: Chọn “Có” để đặt lại bộ đếm giờ của bộ lọc bụi sau khi thay hoặc làm vệ sinh bộ lọc bụi.

## Thông tin

Hiển thị thông tin máy chiếu cho tên mô hình, SNID, nguồn, độ phân giải, phiên bản phần mềm, và tỷ lệ cạnh trên màn hình.

## Mã nhận dạng (ID)

Định nghĩa ID có thể được thiết lập theo menu (phạm vi 00-99) và cho phép sử dụng điều khiển một máy chiếu riêng lẻ bằng cách sử dụng lệnh RS232.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Signage kỹ thuật số

- IT là một chức năng phát lại tự động cho phương tiện truyền thông.
- Tạo một thư mục có tên “signage” trong USB của bạn và cắm vào cổng USB.
- Chọn “Bật” và khởi động lại để kích hoạt chức năng tự động phát các tệp trong thư mục signage của bạn.
- Chọn “Tắt” để tắt chức năng.

# Lưu ý về cách sử dụng

## 3D

### 3D

- TỰ ĐỘNG: Khi đã thấy tín hiệu nhận dạng 3D, định dạng 3D được chọn tự động.
- Chọn “Bật” để cho phép tính năng 3D.
- Chọn “Tắt” để tắt chức năng 3D.

### Đảo ngược 3D

Nếu bạn nhìn thấy hình ảnh rời rạc hoặc chùng chèo khi đeo kính 3D DLP, bạn có thể cần phải thực hiện “Đảo ngược” để có được sự so khớp tốt nhất của trình chiếu hình ảnh trái / phải để có được những hình ảnh chính xác.

### Định dạng 3D

Sử dụng tính năng này để chọn định dạng 3D. Các tùy chọn gồm: “Frame Packing”, “Side-by-Side (Half)”, “Top and Bottom”, “Frame Sequential”, và “Field Sequential”.

### 1080p@24

Sử dụng đặc tính này để chọn tốc độ làm mới 96 hoặc 144 Hz khi sử dụng kính 3D với chế độ đóng gói khung hình 1080p@24.

# Lưu ý về cách sử dụng

## LAN

### Tình trạng

Hiển thị tình trạng kết nối mạng.

### DHCP

Cấu hình thiết lập DHCP.

- **Bật:** Chọn “Bật” để cho phép máy chiếu có được địa chỉ IP tự động từ mạng của bạn.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để gán IP, Mặt nạ mạng con, Gateway, và cấu hình DNS một cách thủ công.

### Địa chỉ IP

Hiển thị địa chỉ IP.

### Subnet mask

Hiển thị số mặt nạ mạng con.

### Gateway

Hiển thị gateway mặc định của mạng được nối với máy chiếu.

### DNS

Hiển thị số DNS.

### Lưu trữ

Chọn “Có” để lưu lại các thay đổi trong thiết lập cấu hình mạng.

### Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC.

# *Lưu ý về cách sử dụng*

## Tên nhóm

Hiển thị tên nhóm.

## Tên máy chiếu

Hiển thị tên máy chiếu

## Vi trí

Hiển thị địa điểm máy chiếu.

## Liên hệ

Hiển thị thông tin liên hệ.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu

1. Bật DHCP cho phép máy chủ DHCP tự động gán IP, hoặc nhập thủ công thông tin mạng yêu cầu.

Status	Connect
DHCP	Off
IP Address	172.16.1.42
Subnet Mask	255.255.255.0
Gateway	172.16.1.254
DNS	172.16.1.1

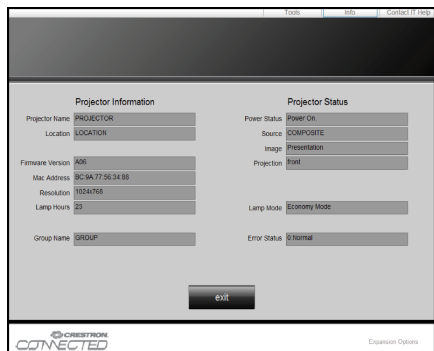
2. Sau đó chọn áp dụng và nhấn nút **OK** để hoàn tất quá trình cấu hình.
3. Mở trình duyệt web của bạn và gõ vào Địa chỉ IP từ màn hình LAN OSD sau đó trang web sẽ hiển thị như dưới đây:



- ❖ Khi bạn sử dụng địa chỉ IP của máy chiếu, bạn không thể liên kết với máy chủ dịch vụ của bạn.

4. Được dựa trên trang web mạng cho chuỗi nhập vào trong thẻ [công cụ], hạn chế đối với Độ dài nhập vào là trong danh sách dưới đây ("khoảng trắng" và phím chấm câu khác bao gồm):

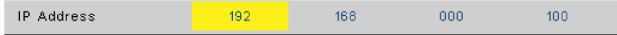
Phân loại	Mục	Độ dài nhập vào (ký tự)
Kiểm soát Crestron	Địa chỉ IP	15
	IP ID	2
	Cổng	5
Dây nguồn	Tên máy chiếu	10
	Vị trí	9
	Được gán cho	9
Cấu hình mạng	DHCP (Đã cho phép)	(Không có)
	Địa chỉ IP	15
	Subnet mask	15
	Gateway mặc định	15
Mật khẩu người dùng	Máy chủ DNS	15
	Đã cho phép	(Không có)
	Mật khẩu mới	15
Mật khẩu quản trị	Xác nhận	15
	Đã cho phép	(Không có)
	Mật khẩu mới	15
	Xác nhận	15



# Lưu ý về cách sử dụng

## Khi kết nối trực tiếp từ máy tính tới máy chiếu

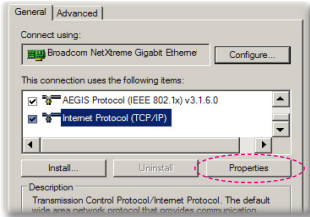
Bước 1: Tìm địa chỉ IP (192.168.0.100) từ chức năng LAN của máy chiếu.



Bước 2: Chọn áp dụng và nhấn “Enter” để gửi chức năng hoặc nhấn nút “menu” để thoát ra.

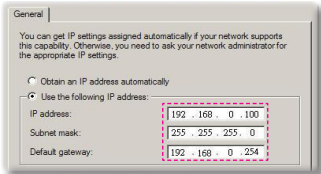
Bước 3: Mở Network Connections, nhấp **Bắt đầu**, nhấp **Bảng điều khiển**, nhấp **Kết nối mạng và Internet**, sau đó nhấp **Kết nối mạng**. Nhấp vào kết nối bạn muốn đặt cấu hình, sau đó, trong **Các tác vụ mạng**, nhấp **Thay đổi thiết lập kết nối này**.

Bước 4: Trên tab **Thông tin chung**, trong **Kết nối này dùng các mục sau**, nhấp **Giao thức Internet (TCP/IP)**, và nhấp “Properties”.

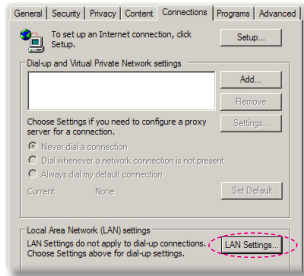


Bước 5: Nhấp **Sử dụng địa chỉ IP sau**, và nhập như sau:

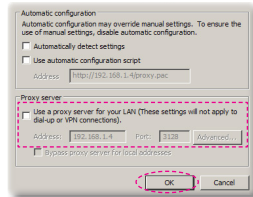
- 1) Địa chỉ IP: 192.168.0.100
- 2) Mặt nạ mạng con: 255.255.255.0
- 3) Gateway mặc định: 192.168.0.254



Bước 6: Mở Internet Options, nhấp vào trình duyệt web IE, nhấp Internet Options, nhấp tab **Kết nối** và nhấp “Thiết lập LAN...”.



Bước 7: Hộp thoại **Thiết lập Mạng nội bộ (LAN)** xuất hiện. Trong khu vực **Máy chủ Proxy**, hủy bỏ **Sử dụng máy chủ proxy cho hộp chọn LAN của bạn**, sau đó bấm vào nút “OK” hai lần.



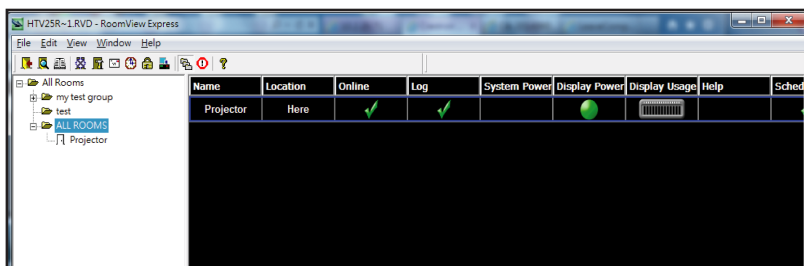
Bước 8: Mở IE và nhập địa chỉ IP là 192.168.0.100 vào URL rồi nhấn phím “Nhập”.

# Lưu ý về cách sử dụng

## Công cụ điều khiển Crestron RoomView

Crestron RoomView™ có một trạm kiểm soát trung tâm cho hơn 250 hệ thống điều khiển trên một mạng Ethernet đơn lẻ (có thể nhiều hơn, số lượng này phụ thuộc vào tổ hợp ID IP và địa chỉ IP). Crestron RoomView giám sát từng máy chiếu, bao gồm tình trạng trực tuyến của máy chiếu, nguồn hệ thống, tuổi thọ đèn, thiết đặt mạng và các lỗi phần cứng, cộng với bất kỳ thuộc tính tùy ý nào được Người quản trị định nghĩa. Người quản trị có thể thêm, xóa hoặc sửa thông tin phòng, thông tin liên lạc và các sự kiện được ghi lại tự động bằng phần mềm cho mọi người dùng. (UI vận hành như hình ảnh dưới đây)

### 1. Màn hình chính



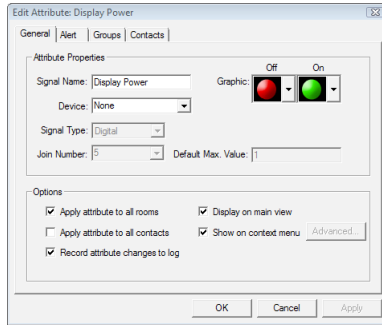
### 2. Sửa phòng

- ❖ Chức năng Crestron RoomView được thiết lập theo mô hình và thông số kỹ thuật của sản phẩm.

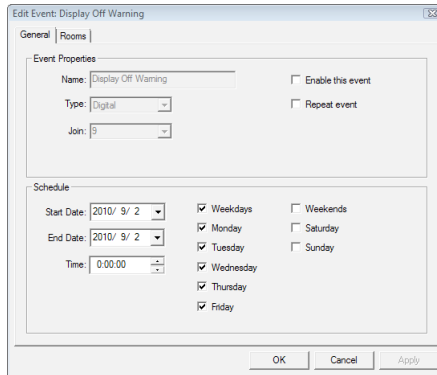


# Lưu ý về cách sử dụng

## 3. Sửa thuộc tính



## 4. Sửa sự kiện



**Để có thêm thông tin, vui lòng vào:**

**<http://www.crestron.com> & [www.crestron.com/getroomview](http://www.crestron.com/getroomview).**

## Lắp và làm sạch bộ lọc bụi

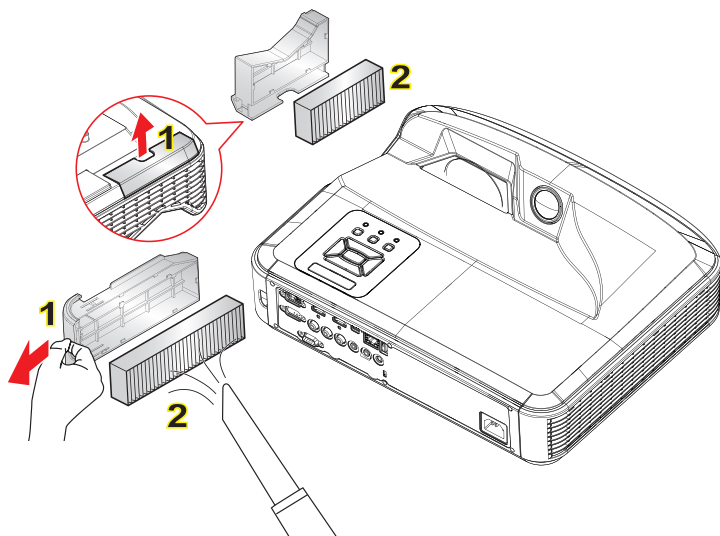
Chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch bộ lọc bụi sau mỗi 500 giờ hoạt động, hoặc thường xuyên hơn nếu bạn đang sử dụng máy chiếu trong môi trường bụi bặm.

Khi tin nhắn cảnh báo xuất hiện trên màn hình, làm các việc sau đây để làm sạch bộ lọc khí:

The usage time of the dust filter is reached.  
Please clean the dust filters for better performance.



- ❖ Nên sử dụng bộ lọc bụi tùy chọn trong môi trường có nhiều bụi.
- ❖ Nếu bộ lọc bụi được lắp đặt, việc bảo dưỡng thích hợp sẽ ngăn chặn việc quá nóng và hỏng hóc máy chiếu.
- ❖ Bộ lọc bụi là tùy chọn.
- ❖ Các giao diện cụ thể được lựa chọn trong các mục của thông số kỹ thuật của các loại.



### Thủ tục làm sạch bộ lọc khí:

1. Tắt nguồn máy chiếu bằng cách nhấn nút “**⏻**”.
2. Ngắt dây nguồn.
3. Kéo bộ lọc bụi ra, như thể hiện trong hình minh họa. **1**
4. Cẩn thận loại bỏ các bộ lọc bụi. Sau đó làm sạch hoặc thay đổi bộ lọc. **2**  
Để cài đặt bộ lọc, quay ngược lại các bước trước.
5. Bật máy chiếu và đặt lại bộ đếm lần sử dụng bộ lọc sau khi lọc bụi được thay thế.

## Các chế độ tương thích

### ► VGA tương tự

a. Tín hiệu máy tính			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
VGA	640 x 480	60	31,5
	640 x 480	67	35,0
	640 x 480	72	37,9
	640 x 480	75	37,5
	640 x 480	85	43,3
	640 x 480	120	61,9
IBM	720 x 400	70	31,5
SVGA	800 x 600	56	35,1
	800 x 600	60	37,9
	800 x 600	72	48,1
	800 x 600	75	46,9
	800 x 600	85	53,7
	800 x 600	120	77,4
Apple, MAC II	832 x 624	75	49,1
XGA	1024 x 768	60	48,4
	1024 x 768	70	56,5
	1024 x 768	75	60,0
	1024 x 768	85	68,7
	1024 x 768	120	99,0
Apple, MAC II	1152 x 870	75	68,7
SXGA	1280 x 1024	60	64,0
	1280 x 1024	72	77,0
	1280 x 1024	75	80,0
QuadVGA	1280 x 960	60	60,0
	1280 x 960	75	75,2
SXGA +	1400 x 1050	60	65,3
UXGA	1600 x 1200	60	75,0

# Phụ lục

b. Định giờ rộng mở rộng			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
WUXGA	1920 x 1200	60	74
WXGA	1280 x 720	60	44,8
	1280 x 800	60	49,6
	1366 x 768	60	47,7
	1440 x 900	60	59,9
WSXGA +	1680 x 1050	60	65,3
c. Tín hiệu thành phần			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
480i	720 x 480 (1440 x 480)	59,94 (29,97)	15,7
576i	720 x 576 (1440 x 576)	50 (25)	15,6
480p	720 x 480	59,94	31,5
576p	720 x 576	50	31,3
720p	1280 x 720	60	45,0
	1280 x 720	50	37,5
1080i	1920 x 1080	60 (30)	33,8
	1920 x 1080	50 (25)	28,1
1080p	1920 x 1080	23,98 (24)	27,0
	1920 x 1080	60	67,5
	1920 x 1080	50	56,3

## ► HDMI Kỹ thuật số

a. Tín hiệu máy tính			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
VGA	640 x 480	60	31,5
	640 x 480	67	35,0
	640 x 480	72	37,9
	640 x 480	75	37,5
	640 x 480	85	43,3
	640 x 480	120	61,9
IBM	720 x 400	70	31,5
SVGA	800 x 600	56	35,1
	800 x 600	60	37,9
	800 x 600	72	48,1
	800 x 600	75	46,9
	800 x 600	85	53,7
	800 x 600	120	77,4
Apple, MAC II	832 x 624	75	49,1
XGA	1024 x 768	60	48,4
	1024 x 768	70	56,5
	1024 x 768	75	60,0
	1024 x 768	85	68,7
	1024 x 768	120	99,0
Apple, MAC II	1152 x 870	75	68,7
SXGA	1280 x 1024	60	64,0
	1280 x 1024	72	77,0
	1280 x 1024	75	80,0
QuadVGA	1280 x 960	60	60,0
	1280 x 960	75	75,2
SXGA +	1400 x 1050	60	65,3
UXGA	1600 x 1200	60	75,0

# Phụ lục

b. Định giờ rộng mở rộng			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
WUXGA	1920 x 1200	60	74
WXGA	1280 x 720	60	44,8
	1280 x 800	60	49,6
	1366 x 768	60	47,7
	1440 x 900	60	59,9
WSXGA +	1680 x 1050	60	65,3
c. Tín hiệu video			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
480p	640 x 480	59,94 (60)	31,5
480i	720 x 480 (1440 x 480)	59,94 (29,97)	15,7
576i	720 x 576 (1440 x 576)	50 (25)	15,6
480p	720 x 480	59,94	31,5
576p	720 x 576	50	31,3
720p	1280 x 720	60	45,0
	1280 x 720	50	37,5
1080i	1920 x 1080	60 (30)	33,8
	1920 x 1080	50 (25)	28,1
1080p	1920 x 1080	23,98 (24)	27,0
	1920 x 1080	60	67,5
	1920 x 1080	50	56,3
d. Định giờ 3D bắt buộc HDMI 1.4a - Tín hiệu video			
Các chế độ	Độ phân giải	Tần số dọc [Hz]	Tần số ngang [Hz]
Frame Packing	720p	50	31,5
	720p	59,94 (60)	15,7
	1080p	23,98 (24)	15,6
Side-by-Side (Half)	1080i	50	31,5
	1080i	59,94 (60)	31,3
Top and Bottom	720p	50	45,0
	720p	59,94 (60)	37,5
	1080p	23,98 (24)	33,8

## Quy định và Thông báo về an toàn

*Phụ lục này liệt kê các thông báo chung về máy chiếu của bạn.*

### Thông báo FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiếu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

### Lưu ý: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

### Chú ý

Những thay đổi hoặc sửa đổi không được hãng sản xuất chấp thuận rõ ràng có thể làm vô hiệu quyền sử dụng máy chiếu này của người dùng, do Ủy ban Truyền thông Liên bang cấp.

# Phụ lục

## **Điều kiện hoạt động**

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

## **Lưu ý: Người dùng Canada**

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

## **Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens**

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

## **Tuyên bố về sự phù hợp của các quốc gia Liên minh Châu Âu**

- Chỉ thị EMC 2004/108/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2006/95/EC về điện thế thấp
- Chỉ thị 1999/5/EC về R & TTE (nếu sản phẩm có chức năng RF)

### **Hướng dẫn thải bỏ**



Không bỏ thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.



## Lắp đặt vào giá treo trần nhà

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần nhà của hãng thứ ba, hãy đảm bảo các ốc vít được sử dụng để gắn vào giá treo máy chiếu đạt các thông số kỹ thuật sau:
  - ▶ Loại ốc vít: M4\*3
  - ▶ Chiều dài ốc vít tối thiểu: 10mm

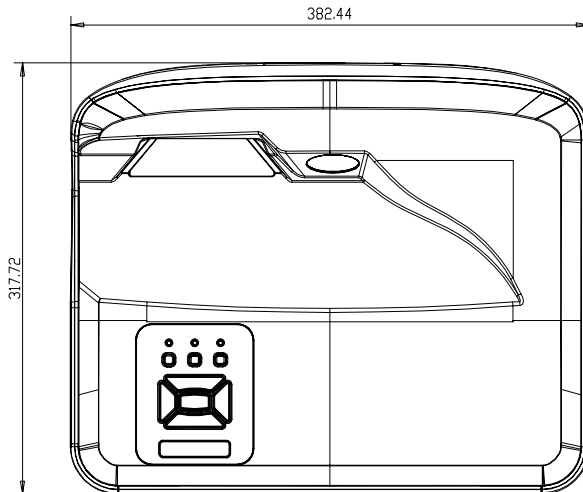
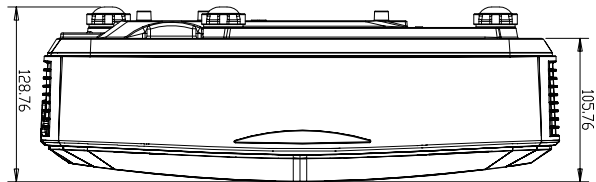


❖ Vui lòng lưu ý rằng hư hỏng do lắp đặt sai cách sẽ làm vô hiệu hóa bảo hành.



### ⚠ Cảnh báo:

1. Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
2. Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
3. Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.





# Phụ lục

## Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




### Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)




### Canada

47697 Westinghouse Drive  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)

### Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive  
Fremont, CA 94539, USA  
www.optomausa.com

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)



### Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills  
Hemel Hempstead, Herts  
HP1 2UJ, United Kingdom  
www.optoma.eu  
Service Tel : +44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800  
 +44 (0) 1923 691 888  
 [service@tsc-europe.com](mailto:service@tsc-europe.com)

### Benelux BV

Randstad 22-123  
1316 BW Almere  
Hà Lan  
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252  
 +31 (0) 36 548 9052


### Pháp

Bâtiment E  
81-83 avenue Edouard Vaillant  
92100 Boulogne Billancourt,  
France

 +33 1 41 46 12 20  
 +33 1 41 46 94 35  
 [savoptoma@optoma.fr](mailto:savoptoma@optoma.fr)




### Tây Ban Nha

C/ José Hierro, 36 Of. 1C  
28522 Rivas VaciaMadrid,  
Tây Ban Nha

 +34 91 499 06 06  
 +34 91 670 08 32


### Đức

Wiesenstrasse 21 W  
D40549 Düsseldorf,  
Germany

 +49 (0) 211 506 6670  
 +49 (0) 211 506 66799  
 [info@optoma.de](mailto:info@optoma.de)

### Scandinavia



Lerpeveien 25  
3040 Drammen  
Norway

 +47 32 98 89 90  
 +47 32 98 89 99  
 [info@optoma.no](mailto:info@optoma.no)

PO.BOX 9515  
3038 Drammen  
Norway

### Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.  
4F,Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,  
seoul,135-815, KOREA


 +82+2+34430004  
 +82+2+34430005

### Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18




株式会社オーエス

コンタクトセンター:0120-380-495

 [info@os-worldwide.com](mailto:info@os-worldwide.com)  
www.os-worldwide.com



### Đài Loan

12F., No.213,Sec. 3, Beixin Rd.,  
Xindian Dist., New Taipei City 231,  
Taiwan, R.O.C.  
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600  
 +886-2-8911-6550  
 [services@optoma.com.tw](mailto:services@optoma.com.tw)  
asia.optoma.com



### Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,  
79 Wing Hong Street,  
Cheung Sha Wan,  
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968  
 +852-2370-1222  
www.optoma.com.hk

### Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,  
Changning District  
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376  
 +86-21-62947375  
www.optoma.com.cn

